

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HS-ST
Ngày: 29- 6 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/HSST ngày 16 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST–HS ngày 08 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn H (Tên gọi khác: T), sinh năm 1994 tại tỉnh Lâm Đồng;

Nơi cư trú: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; số Chứng minh nhân dân: 285778634; con ông Nguyễn Mạnh Th, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Hoàng Trọng H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 7, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn S, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 7, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Nguyễn Thành G, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 2, xã D, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 03/10/2021, anh Hoàng Trọng H đang ở nhà trọ thuộc thôn 7, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước thì Nguyễn Văn H đến nhờ chở ra ngã ba “Sao Bọng” thuộc xã D, huyện B để đón xe đi về xã C cùng huyện B tìm việc làm nên anh H điều khiển xe mô tô biển số 93L1-152.35 chở H đi. Trên đường đi, H mượn điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 8 của anh H để gọi điện cho mẹ. Khi H nghe mẹ nói “ở dưới xã C không có việc gì làm đâu, khởi xuống” thì H trả điện thoại lại cho anh H, nhưng do đang chạy xe nên anh H nói H cầm dùm. Lúc này, H muốn đi về xã Đắc Som, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắk Nông nhưng do không có tiền tiêu xài, nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh H. Khi đến đoạn đường vắng người thuộc thôn 2, xã D, huyện B thì H lấy trong túi áo khoác một con dao thái lan, cán màu vàng, dài khoảng 20 cm, lưỡi sắt nhọn kề sát vào cổ anh H và nói “mày dừng xe lại”, anh H hoảng sợ dừng lại bên lề đường. H yêu cầu anh H tắt máy xe, H vẫn kề dao vào cổ dẫn anh H đi lùi lại về phía sau khoảng 05 mét và nói “anh vãi quá, mày cho anh mượn xe và điện thoại, một tháng sau anh trả”. Anh H thấy trời tối, đoạn đường vắng không người qua lại, sợ H xâm phạm đến tính mạng của mình nên nói “ừ”. H lấy dao ra khỏi cổ của anh H rồi nhanh chóng điều khiển xe đi về hướng ngã ba Sao Bọng. Đi được khoảng 300 mét, thì H điều khiển xe quay lại, thấy anh H đang đi bộ về hướng xã Thống Nhất nên H yêu cầu anh H ngồi lên xe để H chở (tay H vẫn cầm dao). Đi được khoảng 01 km thì H vút dao xuống đường và sau đó H cho xe chạy tấp (tạt) vào trước đầu xe tải chạy cùng chiều, H nói với anh H “mày đi nhờ xe này về đi”. Anh H xuống xe, còn H điều khiển xe đến tiệm cầm đồ “Giáp Thắng” thuộc thôn 2, xã D cầm điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 8 của anh H cho ông Nguyễn Thành G lấy 1.000.000 đồng tiêu xài. Sau đó, H điều khiển xe của anh H chạy về khu vực Thủy điện Đồng Nai 3 thuộc Bon B’Sêr A, xã Đắc Som, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắk Nông. Trên đường đi, H nhặt được 01 biển số xe mô tô 60P1-0423 nên đã tháo biển số 93L1-152.35 xe của anh H bỏ ở lề đường và gắn biển số 60P1-0423 vào xe của anh H nhằm tránh sự phát hiện.

Tại Kết luận định giá số 130/2021/KL-ĐG ngày 25/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha biển số 93L1-152.35, loại Exciter, màu trắng cam tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị là 10.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 8 tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 3.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 13.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 36/CT – VKS ngày 13/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội Cướp tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp tài sản”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 07 đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không đề nghị hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng 01 dao thái lan cán bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại; 01 quần jean dài màu xám bạc và 01 áo khoác jean dài tay, màu xám bạc.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định.

Bị hại anh Hoàng Trọng H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm; về phần hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát và xin được giảm nhẹ phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn S và người làm chứng ông Nguyễn Thành G: Anh Sung, ông Giáp đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của anh Sung, ông Giáp không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 xử vắng mặt anh Sung, ông Giáp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, truy tố. Đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào khảng 19 giờ ngày 03/10/2021, bị cáo Nguyễn Văn H nhờ anh Hoàng Trọng H dùng xe mô tô biển số 93L1-152.35 chở bị cáo ra Ngã 3 Sao Bọng thuộc thôn 2, xã D, huyện B, tỉnh Bình Phước để H đón xe khách đi xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước tìm việc làm. Tuy nhiên trên đường đi thì H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh H nên khi đến đoạn đường vắng người thuộc thôn 2, xã D, huyện B, tỉnh Bình Phước, bị cáo đã lấy trong túi áo khoác một con dao thái lan, cán màu vàng, dài khoảng 20 cm, lưỡi sắt nhọn kề sát vào cổ anh H để hiếp tinh thần anh H nhằm chiếm đoạt 01 điện thoại hiệu Xiaomi Redmi Note 8 và xe mô tô biển số 93L1-152.35 của anh H có tổng giá trị là 13.500.000 đồng.

Như vậy, hành vi sử dụng dao là hung khí nguy hiểm để chiếm đoạt tài sản của anh H của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm để uy hiếp người khác là trái pháp luật nhưng với với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng và bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn có thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại và làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; tài sản bị

cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với ông Nguyễn Thành G là người cầm cố điện thoại Xiaomi Redmi Note 8 của anh H từ bị cáo với giá 1.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Giáp không biết đây là tài sản do bị cáo chiếm đoạt mà có nên không xem xét trách nhiệm đối với ông Giáp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tác động trong gia đình để bồi thường cho anh H số tiền 3.000.000 đồng. Anh H đã được nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha biển số 93L1-152.35, loại Exciter, màu trắng cam và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 8 của anh Hoàng Trọng H, ngày 26/01/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho anh H nên không xem xét.

- Đối với 01 biển số 60P1-0423 của anh Thân Văn B, ngày 26/01/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho anh Thân Văn B nên không xem xét.

- Đối với 01 dao thái lan cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại được đựng trong bao thư bằng giấy có chữ ký và dấu niêm phong là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 quần jean dài màu xám bạc và 01 áo khoát jean dài tay màu xám bạc, tại phiên tòa bị cáo xác định không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã được thu giữ:

- 01 dao thái lan cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại được đựng trong bao thư bằng giấy có chữ ký và dấu niêm phong bên ngoài có dòng chữ dao thái lan đối tượng sử dụng cướp tài sản.

- 01 quần jean dài màu xám bạc và 01 áo khoát jean dài tay màu xám bạc.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009923, quyển số 0199 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào